

thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức, triển khai thực hiện những nội dung của “Đề án phát triển thị trường xuất khẩu giai đoạn 2004 - 2005” và những giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu quy định tại Quyết định này; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án; đề xuất những giải pháp cần thiết, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả Đề án và tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Đề án hàng năm.

2. Bộ trưởng các Bộ liên quan trực tiếp theo dõi tiến độ thực hiện Đề án và phối hợp với Bộ Thương mại chỉ đạo việc thực hiện những nội dung liên quan thuộc ngành mình đã được nêu trong Đề án cũng như trong những giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

VŨ KHOAN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 267/2003/QĐ-TTg ngày 19/12/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Hàng không Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước.

Cục Hàng không Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Cục Hàng không Việt Nam có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM, viết tắt là: CAAV.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm, các đề án, dự án và các chương trình khác thuộc ngành hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các văn bản quy phạm pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy

phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành sau khi được ban hành; quy định việc áp dụng cụ thể một số tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật - nghiệp vụ đối với các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực hàng không phù hợp với pháp luật về hàng không và thẩm quyền quản lý, điều hành của Cục; thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hàng không.

5. Về quản lý cảng hàng không, sân bay:

a) Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các đề án để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống cảng hàng không, sân bay dân dụng trên phạm vi cả nước và quy hoạch các cảng hàng không, sân bay quốc tế; trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch các cảng hàng không, sân bay dân dụng địa phương;

b) Xây dựng quy chế phối hợp hoạt động quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay dân dụng để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; chủ trì, phối hợp hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại cảng hàng không,

sân bay dân dụng để thực hiện quy chế phối hợp trên;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập các cảng hàng không, sân bay dân dụng, mở các cảng hàng không cho giao lưu quốc tế, đình chỉ hoạt động của các cảng hàng không, sân bay dân dụng; hướng dẫn, cho phép và kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng và cảng hàng không, sân bay dân dụng theo kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố hoặc công bố theo thẩm quyền việc đóng, mở, đình chỉ hoạt động của cảng hàng không, sân bay dân dụng; tổ chức thực hiện việc đăng ký và cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay dân dụng.

6. Về quản lý vận chuyển hàng không:

a) Xây dựng để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định các điều kiện, thủ tục kinh doanh dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng không; tổ chức thực hiện việc cấp giấy phép và các giấy tờ khác đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng không theo quy định của pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

b) Tham gia thẩm định để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể các doanh nghiệp vận chuyển hàng không;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các quy chế, thủ tục, thể lệ về vận chuyển hàng không và các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng không; tổ chức thống kê, nghiên cứu, dự báo thị trường hàng không;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc cấp theo ủy quyền các thương quyền khai thác vận chuyển hàng không cho các doanh nghiệp vận chuyển; tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển hàng không.

7. Về quản lý an toàn khai thác bay:

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký tàu bay dân dụng và các giao dịch bảo đảm liên quan đến tàu bay dân dụng;

b) Kiểm tra và thực hiện việc cấp, công nhận hiệu lực, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ đủ điều kiện bay, chứng chỉ khai thác của tàu bay dân dụng và các chứng chỉ, giấy phép khác liên quan đến hoạt động khai thác tàu bay dân dụng;

c) Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thuê, cho thuê, khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, trang thiết bị tàu bay dân dụng, việc mua, bán,

thanh lý tàu bay, trang thiết bị tàu bay dân dụng;

d) Quản lý, giám sát việc sản xuất, sử dụng trang bị, thiết bị của tàu bay dân dụng và các trang bị, thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động bay;

đ) Tổ chức việc đăng ký và cấp, công nhận hiệu lực, gia hạn các giấy phép, chứng nhận khả năng chuyên môn, các giấy tờ khác có liên quan đến người lái, thành viên tổ bay, giáo viên bay, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay dân dụng và các nhân viên hàng không khác;

e) Tổ chức và giám sát việc đào tạo, huấn luyện người lái, tổ bay, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay dân dụng và nhân viên hàng không khác theo quy định của pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

8. Về quản lý hoạt động bay:

a) Xây dựng phương án để Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thiết lập, cho phép khai thác các đường hàng không, khu vực bay, vùng thông báo bay và tổ chức thực hiện;

b) Thực hiện việc cấp phép hoạt động bay dân dụng; cấp phép khai thác cho các trang thiết bị kỹ thuật chuyên ngành quản lý hoạt động bay, các đài, trạm dẫn đường, thông tin và các cơ sở điều hành bay dân dụng;

c) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động bay dân dụng trên lãnh thổ Việt Nam và vùng thông báo bay thuộc quyền quản lý của Việt Nam;

d) Tổ chức và quản lý việc cung cấp các dịch vụ chuyên ngành quản lý bay theo quy định của pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

đ) Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và các cơ quan khác có liên quan trong việc tổ chức quản lý và sử dụng vùng trời;

e) Kiểm tra và thực hiện việc cấp, công nhận hiệu lực, gia hạn, thu hồi, hủy bỏ hoặc đình chỉ sử dụng bằng, chứng chỉ của nhân viên kiểm soát không lưu, nhân viên khai thác hàng không, nhân viên điều hành bay, nhân viên không báo quan trắc, dự báo khí tượng và nhân viên hàng không khác.

9. Là đầu mối tham gia Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm - Cứu nạn; tổ chức các hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn và điều tra tai nạn hàng không dân dụng.

10. Là đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có liên quan xây dựng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành hoặc trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải ban hành các quy định về an ninh hàng không; phê duyệt các chương trình an ninh hàng không của các tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; tổ chức, giám sát thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn cho hoạt động hàng không và cho các chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay đặc biệt.

11. Về quản lý các dự án đầu tư trong lĩnh vực hàng không:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định các dự án đầu tư trong ngành hàng không;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền được phân cấp quản lý; quyết định đầu tư và tổ chức quản lý các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

c) Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, dự toán các dự án đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp quản lý.

12. Tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện khung giá cước hoặc cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ vận tải hàng không được hoạt động độc quyền và những dịch vụ mà Nhà nước trợ giá hoặc giao cho doanh nghiệp thực hiện.

13. Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải kế hoạch hợp tác quốc tế về hàng không; chủ trì xây dựng trình Bộ trưởng các dự thảo Điều ước quốc tế và

tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các Điều ước quốc tế và các tổ chức quốc tế về hàng không; ký kết các văn bản thỏa thuận quốc tế và tổ chức thực hiện các Điều ước, thỏa thuận quốc tế về hàng không dân dụng theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo thẩm quyền; Cục Hàng không Việt Nam là đầu mối quan hệ với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

14. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực hàng không; phối hợp với các cơ quan có liên quan về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không.

15. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và bảo đảm việc chấp hành các quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, xử lý các vi phạm pháp luật theo thẩm quyền của Cục.

16. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung Chương trình cải cách hành chính Nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, sử dụng biên chế được duyệt theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật

đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cục; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành hàng không theo phân cấp quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

19. Được trực tiếp quan hệ với các cơ quan nhà nước có liên quan hoặc theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

a) Các tổ chức giúp việc Cục trưởng:

1. Ban Kế hoạch - Đầu tư;
2. Ban Khoa học - Công nghệ;
3. Ban Quản lý cảng hàng không, sân bay;
4. Ban Tiêu chuẩn an toàn bay;
5. Ban Vận tải hàng không;
6. Ban Quản lý hoạt động bay;
7. Ban An ninh hàng không;
8. Ban Tổ chức cán bộ;
9. Ban Tài chính;
10. Thanh tra Hàng không;

11. Văn phòng.

Việc thành lập các Phòng trực thuộc Ban do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

b) Các đơn vị trực thuộc Cục:

1. Trung tâm Quản lý bay dân dụng Việt Nam;
2. Cục cảng Hàng không miền Bắc;
3. Cục cảng Hàng không miền Trung;
4. Cục cảng Hàng không miền Nam.

c) Các đơn vị sự nghiệp:

1. Trường Hàng không Việt Nam;
2. Trung tâm Y tế Hàng không;
3. Tạp chí Hàng không.

Điều 4. Lãnh đạo Cục

Cục Hàng không Việt Nam có Cục trưởng, giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng.

Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về toàn bộ hoạt động của Cục Hàng không Việt Nam.

Các Phó Cục trưởng Cục Hàng không

Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam. Các Phó Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về nhiệm vụ được Cục trưởng phân công.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng